UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC DỰ KIẾN NÂNG LƯƠNG TRƯỚC HẠN NĂM 2020 VÀ THƯỜNG XUYÊN NĂM 2021

-Tổng số VC toàn trường trong bảng lương tháng 9/2020: 268 người

- Tổng số đối tượng đến hạn xét nâng lương: 96

- Chỉ tiêu xét nâng lương trước hạn 10% (trên tổng số 268) là 26 người, đủ điều kiện xét là 21 người.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
I	**Danh sách viên chức đủ điều kiện xét nâng lương trước hạn năm 2020 (có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ): 21 người**												
01	Huỳnh Thị Mai	P. Khảo thí &ĐBCL	A1	V.07.01.03	5	3.66	0.35		01/09/2018	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020		NH 2016-2017: Bằng khen của UBND TP	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
02	Nguyễn Mạnh Phương	K. Khoa học cơ bản	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2018			-Năm 2018: Bằng khen của UBNDTP - Năm 2020: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	- Về xác lập kỷ lục TG về ND "Ảo thuật gia đầu tiên trên TG biểu diễn tương tác trên màn hình Led công nghệ 4D" - Có thành tích trong công tác, góp phần vào XD CNXH và BV Tổ quốc

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
03	Phan Thị Ngọc Phượng	P. Tổ chức - HCTH	B	01.004	8	3.26			01/04/2019	2016-2017 2017-2018 2018-2019		NH 2016-2017 và 2017-2018: Bằng khen của UBND TP	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
04	Chung Trần Thế Vinh	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	6	3.99	0.45		01/09/2018	2018-2019 2019-2020		- 02 Giải nhất: Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp toàn quốc (Năm 2019) - 02 Giải nhất: Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp TP (Năm 2019) - Năm 2019: Dân vận khéo (cấp trường) - Năm 2020: Dân vận khéo (cấp	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
05	Nguyễn Hữu Mạnh	K. Động lực	A1	V.07.01.03	5	3.66	0.25		01/09/2018	2018-2019		- Năm 2019: Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp toàn quốc (Giải nhì) - Năm 2019: Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp TP (Giải khuyến khích)	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
06	Trần Quốc Duy	K. Động lực	A1	V.07.01.03	3	3.00			01/03/2018			- Năm 2019: Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp toàn quốc (Giải nhì) - Năm 2019: Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp TP (Giải nhì)	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
07	Trần Việt Khánh	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	4	3.33	0.25		01/09/2018	2017-2018 2018-2019 2019-2020		NH 2017-2018: GV dạy giỏi cấp trường	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
08	Nguyễn Văn Đôn	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	4	3.33	0.25		01/09/2018	2017-2018 2018-2019 2019-2020			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
09	Nguyễn Thành Nam	K. Khoa học cơ bản	A1	V.07.01.03	6	3.99	0.45		01/11/2018	2017-2018 2019-2020			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
10	Trần Thị Thu Hà	P. Thanh tra GD CTSV	A1	01.003	5	3.66			01/09/2018	2016-2017 2018-2019		Năm 2020: Dân vận khéo (cấp Trường)	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
11	Vũ Đức Pháp	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	6	3.99	0.25		01/09/2018	2015-2016		NH 2014-2015 và 2015-2016: Bằng khen của UBND TP	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
12	Vũ Thị Thái Linh	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	5	3.66			01/09/2018	2015-2016		NH 2014-2015 và 2015-2016: Bằng khen của UBND TP	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
13	Ninh Đỗ Hiệp	P. Quản trị - Dịch vụ	A1	01.003	3	3.00			01/11/2018			NH 2017-2018 và 2018-2019: Bằng khen UBND TP	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
14	Đặng Thái Sơn	K. Động lực	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018	2016-2017		- NH 2015-2016: GV dạy giỏi cấp TP (giải 3) - NH 2015-2016: GV dạy giỏi TCCN cấp trường (Giải nhì)	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
15	Lữ Xuân Trang	K. Kinh tế	A1	V.07.01.03	3	3.00	0.25		01/01/2018	2016-2017		NH 2017-2018: GV dạy giỏi cấp trường (Giải nhì)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
16	Lê Hồng Anh Tuấn	P. Quản trị - Dịch vụ	A0	01.004	3	2.72			01/08/2018	2017-2018			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
17	Phạm Thị Thanh Thúy	K. May-Thời trang	A1	V.07.01.03	8	4.65			01/11/2018	2017-2018			Hoàn thành tốt nhiệm vụ

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
18	Đỗ Thị Thơm	K. Lý luận Chính trị	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018	2015-2016		Năm 2018: Dân vận khéo (cấp trường)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
19	Nguyễn Thanh Hùng	K. Động lực	A1	V.07.01.03	3	3.00			01/10/2018	2015-2016			Hoàn thành tốt nhiệm vụ
20	Mai Chiếm Tuấn	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/10/2018			NH 2015-2016: GV dạy giỏi TCCN cấp trường	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
21	Nguyễn Vũ Xuân Thì	K. Nhiệt lạnh	A1	V.07.01.03	8	4.65			01/10/2018			Năm 2019: Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục	Xin ý kiến HĐ về quy định nâng lương.
II	**Tổng số VC dự kiến nâng lương thường xuyên năm 2021: 74VC**												
	a. VC đến hạn nâng lương năm 2021, không có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ: 38VC												
22	Nguyễn Thị Ngọc Anh	P. Thanh tra GD CTSV	A1	01.003	6	3.99			01/03/2018				
23	Trương Hữu Lộc	TT. Điều hành và QLDL	A1	01.003	4	3.33			01/12/2018				
24	Cao Thị Hồng Thắm	K. Lý luận Chính trị	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
25	Đinh Thị Huyên	K. Lý luận Chính trị	A1	V.07.01.03	4	3.33	0.25		01/09/2018				
26	Đỗ Thị Ngát	K. Lý luận Chính trị	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				
27	Nguyễn Anh Kiệt	K. Lý luận Chính trị	A1	V.07.01.03	6	3.99			01/09/2018				
28	Hồ Văn Hóa	K. Động lực	A1	V.07.01.03	3	3.00			01/09/2018				
29	Nguyễn Thái Bình	K. Động lực	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				
30	Nguyễn Minh Thái	K. Động lực	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				
31	Nguyễn Thành Đức	K. Động lực	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				
32	Nguyễn Mỹ Tiên	K. Kinh tế	A1	V.07.01.03	2	2.67			01/10/2018				
33	Trần Thị Ngọc Dung	K. Kinh tế	A1	V.07.01.03	2	2.67			01/10/2018				
34	Trần Thị Phương Oanh	P. Tổ chức - HCTH	B	01.004	7	3.06			01/01/2019				

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
35	Bùi Văn Dũng	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				
36	Đặng Ngọc Đoàn	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/10/2018				
37	Đỗ Thị Hải Yến	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				
38	Huỳnh Quốc Dũng	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	3	3.00			01/05/2018				
39	Lê Hồng Thái	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				
40	Nguyễn Nguyên Hoàng Ngọc Quyên	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	5	3.66			01/09/2018				
41	Nguyễn Thị Thu Hồng	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				
42	Nguyễn Tiến Việt Dũng	P. Quản trị - Dịch vụ	A0	01.004	3	2.72			01/11/2018				

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
43	Bùi Thị Dương	P. Quản trị - Dịch vụ	B	01.004	8	3.26			01/07/2019				
44	Đỗ Văn Trong	P. Quản trị - Dịch vụ	B	V.05.02.08	6	2.86			01/04/2019				
45	Nguyễn Thùy Dương	TT. Quan hệ DN	A1	15.113	5	3.66			01/09/2018				
46	Lê Thái Hùng	K. Khoa học cơ bản	A1	V.07.01.03	5	3.66	0.25		01/09/2018				
47	Nguyễn Văn Đông	K. Khoa học cơ bản	A1	V.07.01.03	7	4.32			01/12/2018				
48	Trịnh Khắc Vũ	K. Khoa học cơ bản	A1	V.07.01.03	5	3.66			01/09/2018				
49	Lư Thị Yến Vũ	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	4	3.33			01/09/2018				
50	Trần Đình Khải	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	4	3.33	0.35		01/09/2018				
51	Ngô Phong Cường	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	5	3.66			01/12/2018				
52	Nguyễn Anh Tăng	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	7	4.32			01/09/2018				
53	Nguyễn Trần Thanh Nhàn	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	6	3.99			01/09/2018				

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
54	Tăng Cẩm Huê	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	6	3.99			01/09/2018				
55	Trần Trung Hiếu	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	6	3.99			01/09/2018				
56	Vũ Hạnh Chiêu	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	5	3.66			01/09/2018				
57	Trần Hồng Thảo	K. May-Thời trang	A1	V.07.01.03	2	2.67			01/10/2018				
58	Vương Hội Khánh	P. Tuyển sinh - Đào tạo	B	V.05.02.08	6	2.86			01/04/2019				
59	Lương Thị Thắm	TT. DN Lý Tự Trọng	N3	01.006	7	2.58			01/10/2019				
	b. VC dự kiến nâng lương năm 2021 hưởng bậc lương cuối cùng trong ngạch: 5 VC												
60	Đinh Văn Đệ	Phó Hiệu trưởng	A1	V.07.01.03	9	4.98	0.7		01/12/2018				Hưởng 5% lương
61	Đỗ Thị Phương Khanh	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	9	4.98			01/12/2018				Hưởng 5% lương
62	Trương Thị Phương Hồng	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2018				Hưởng 5% lương
63	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2018				Hưởng 5% lương
64	Nguyễn Văn Thành	P. Quản trị - Dịch vụ	A1	V.07.01.03	9	4.98	0.35		01/12/2018				Hưởng 5% lương

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
	c. VC đã được nâng lương trước hạn năm 2018 (năm liền kề): 9 VC												
65	Lê Xuân Thiện	P. Thanh tra GD CTSV	A1	01.003	9	4.98	0.45		01/09/2018				NLTH năm 2018
66	Đỗ Tuấn Việt	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	5	3.66			01/09/2018				NLTH năm 2018
67	Nguyễn Cao Phong	K. Công nghệ thông tin	A1	V.07.01.03	5	3.66			01/09/2018				NLTH năm 2018
68	Nguyễn Anh Tuấn	K. Động lực	A1	V.07.01.03	6	3.99	0.45		01/09/2018				NLTH năm 2018
69	Phan Anh Tuấn Kiệt	K. Động lực	A1	V.07.01.03	5	3.66			01/09/2018				NLTH năm 2018
70	Võ Đắc Thịnh	K. Động lực	A1	V.07.01.03	7	4.32	0.35		01/09/2018				NLTH năm 2018
71	Nguyễn Thị Hồng Thắm	P. Kế hoạch - Tài chính	B	01.004	4	2.46			01/10/2019				NLTH năm 2019
72	Trần Thị Minh Thoa	P. Kế hoạch - Tài chính	B	06.032	8	3.26			01/04/2019				NLTH năm 2019
73	Bùi Thị Lan Anh	TT. Y tế	B	V.08.03.07	8	3.26			01/04/2019				NLTH năm 2019
	d. VC hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung mỗi năm tăng 1%: 21VC												
74	Phạm Hữu Lộc	Hiệu trưởng	A1	V.07.01.03	9	4.98	0.9	11	8/1/2020				
75	Võ Minh Quang	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	9	4.98		7	01/05/2020				
76	Nguyễn Văn Sơn	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	9	4.98		8	01/05/2020				

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
77	Trần Văn Cu Anh	P. Tổ chức - HCTH	N3	01.011	12	3.48		13	01/01/2020				
78	Trần Văn Lý	P. Quản trị - Dịch vụ	N3	01.011	12	3.48		13	01/07/2020				
79	Huỳnh Ngọc Mai	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	9	4.98	0.35	5	01/05/2020				
80	Nguyễn Hồng Đức	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	9	4.98		8	01/01/2020				
81	Trần Công Tiến	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	9	4.98		5	01/05/2020				
82	Đinh Hồng Minh	Phó Hiệu trưởng	A1	01.003	9	4.98	0.7		01/10/2017				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 5% năm 2020
83	Nguyễn Thanh Tú	K. Khoa học cơ bản	A1	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2017				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 5% năm 2020
84	Hà Nhật Thanh	P. Quản trị - Dịch vụ	A0	01.004	10	4.89		6	01/09/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
85	Hồ Minh Lợi	P. Thanh tra GD CTSV	A1	01.003	9	4.98	0.35	9	01/12/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
86	Nguyễn Thanh Sơn	P. Khảo thí &ĐBCL	A1	01.003	9	4.98		16	01/10/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
87	Nguyễn Kính	P. Kế hoạch - Tài chính	A1	06.031	9	4.98	0.45	33	01/10/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
88	Đặng Thị Nhật Minh	K. Lý luận Chính trị	A1	V.07.01.03	9	4.98		7	01/09/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
89	Hà Phước Tuấn	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	9	4.98		14	01/10/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
90	Phan Văn Thành	K. Cơ khí	A1	V.07.01.03	9	4.98		11	01/10/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
91	Nguyễn Đức Thắng	K. Khoa học cơ bản	A1	V.07.01.03	9	4.98		8	01/10/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
92	Nguyễn Văn Tấn	P. Tuyển sinh - Đào tạo	A1	V.07.01.03	9	4.98	0.35	11	01/10/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
93	Phạm Minh Nghĩa	K. Điện tử	A1	V.07.01.03	9	4.98	0.35	12	01/10/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
94	Trương Việt Khánh Trang	K. May-Thời trang	A1	V.07.01.03	9	4.98		6	01/10/2019				Chờ Sở GDĐT NL vượt khung 1% năm 2020
	e. VC nâng lương thường xuyên năm 2021 do kéo dài thời gian nâng lương thay vì năm 2020: 01 VC												

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhóm ngạch	Mã số ngạch	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Chiến sĩ thi đua cơ sở	Chiến sĩ thi đua thành phố	Bằng khen khác	Ghi chú
					Bậc	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên VK	Mốc thời gian nâng lương lần sau				
95	Nguyễn Phú Tân	K. Khoa học cơ bản	A1	V.07.01.03	5	3.66			01/09/2017				Kéo dài thời gian nâng lương 6 tháng do không hoàn thành nhiệm vụ NH 2017-2018, mốc nâng lương từ T3/2021
III	**Nhà trường thực hiện công văn xin ý kiến chỉ đạo của Sở về mốc nâng lương của VC (Lý do: không hoàn thành nhiệm vụ 02 NH 2017-2018 và 2018-2019, không đủ thời gian làm việc theo quy định) : 01 VC**												
96	Nguyễn Thị Thu Hà	K. Khoa học cơ bản	A1	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2018				NH 2017-2018 và NH 2018-2019: kết quả đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.